TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/ DS-ST
Ngày 06/09/2024
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Phạm Văn Động

2/ - Ông Từ Tứ Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 06 tháng 09 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/ TLST- DS ngày 18 tháng 07 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Phùng Thanh H**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp B T, xã B T, huyện T S, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu L,** sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phùng Thanh H trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán thiếu phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Nguyễn Hữu L. Sau đó đến ngày 17/10/2023 hai bên ngồi

tính toán nợ với nhau, cụ thể là ông Nguyễn Hữu L thừa nhận còn thiếu nợ của tôi số tiền phân bón, thuốc trừ sâu là 570.479.000đ (năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Ông Nguyễn Hữu L có làm biên nhận nợ ngày 17/10/2023 với tôi, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và ông L có thỏa thuận với tôi là sau 30 ngày sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến hạn trả nợ thì vào ngày 10 tháng 05 năm 2024 ông L trả cho tôi số tiền gốc là 43.400.000đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và đến ngày 10/06/2024, ông L tiếp tục trả cho tôi số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Từ đó đến nay thì ông L không có trả nợ cho tôi nữa, tôi có đến nhà ông L đòi nợ nhiều lần nhưng ông L chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu L trả nợ cho tôi số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 407.079.000đ (bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng), và yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày 18/10/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: tôi thừa nhận nguyên vào trước đây tôi có mua thiếu tiền vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) của ông Phùng Thanh H rất nhiều lần. Trong quá trình mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) thì tôi có trả tiền và cũng có lần tôi nợ lại ông H. Đến năm cuối năm 2020 thì giữa tôi và ông H tính toán lại thì tôi còn nợ ông H số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Đến ngày 17/10/2023 thì ông Phùng Thanh H với tôi có tính toán nợ lại với nhau và tôi thừa nhận có ký vào biên nhận nợ ngày 17/10/2023 còn nợ lại ông H số tiền là 570.479.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng.

Hiện nay tôi chỉ nợ lại tiền phân bón, thuốc trừ sâu của ông H số tiền gốc 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), còn lại số tiền nợ là 390.479.000đ (ba trăm chín mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) thì tôi không đồng ý trả cho ông H vì đây là tiền lãi mà ông H tính với tôi. Hiện nay tôi đồng ý trả tiền lãi cho ông H với mức lãi suất là 1% /01 tháng của số tiền nợ 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) từ năm 2020 cho đến nay số tiền là 86.400.000đ (tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 266.400.000đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đến ngày 15/5/2024 tôi đã trả cho ông H số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), lúc trả tiền cho ông H thì tôi không có làm biên nhận với ông H và cũng không có ai chứng kiến việc tôi trả tiền cho ông H.

Đến ngày 05/6/2024 tôi đã trả cho ông H số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), lúc trả tiền cho ông H thì tôi không có làm biên nhận với ông H và cũng không có ai chứng kiến việc tôi trả tiền cho ông H.

Tổng cộng tôi đã trả nợ tiền gốc và lãi cho ông H số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Nay tại phiên tòa, tôi thừa nhận chỉ nợ lại ông H số tiền gốc và lãi phân bón thuốc trừ sâu là 36.400.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đông). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tôi yêu cầu xin trả nợ dần cho ông H cụ thể như sau:

Vào ngày 30/4/2025 tôi sẽ trả cho ông H số tiền là 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng)

Vào ngày 30/7/2025 tôi sẽ trả cho ông H số tiền là 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) là hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa ông Phùng Thanh H với ông Nguyễn Hữu L là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng Thanh H yêu cầu ông Nguyễn Hữu L trả nợ cho ông H số tiền nợ gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 407.079.000đ (bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật

là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào lúc trước ông H có bán thiếu phân bón và thuốc trừ sâu cho ông Nguyễn Hữu L số tiền gốc là 570.479.000đ (năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả là 2%/1 tháng, sau đó đến ngày 17/10/2023 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là ông Nguyễn Hữu L thừa nhận còn thiếu nợ và ký vào biên nhận nợ của ông H số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 570.479.000đ (năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng), lúc đó ông Nguyễn Hữu L có làm biên nhận nợ với ông H vào ngày 17/10/2023, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và ông L có thỏa thuận với ông H là sau 30 ngày sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho ông H. Đến hạn trả nợ thì vào ngày 10 tháng 05 năm 2024 ông L trả cho ông H số tiền gốc là 43.400.000đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và đến ngày 10/06/2024, ông L tiếp tục trả cho ông H số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng cộng ông L đã trả nợ gốc cho ông H số tiền gốc là 163.400.000đ (một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng), ông L còn nợ lại ông H số tiền gốc là 407.079.000đ (bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Tuy nhiên kể từ đó cho đến nay thì ông L không có đóng lãi và trả tiền nợ gốc cho ông H nữa và ông H nhiều lần đến nhà ông L đòi nợ nhưng ông L chỉ hứa chứ không trả nợ cho ông H.

Nay tại phiên tòa ông Phùng Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu L trả nợ cho ông H số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 407.079.000đ (bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Lời yêu cầu của ông H phù hợp với Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 18/10/2023 đến ngày 09/05/2024 là 201 ngày cụ thể như sau: 570.479.000đ x 1% x 201 ngày = 38.222.093đ tính tròn là 38.222.000đ (ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng). Đến ngày 10/05/2024 ông L trả cho ông H số tiền gốc là 43.400.000đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và đến ngày 10/06/2024, ông L tiếp tục trả cho ông H số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Vậy tính đến ngày 10/06/2024 ông L còn nợ ông H số tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu là 407.079.000đ (bốn trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi chín

nghìn đồng) và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 11/06/2024 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 06/09/2024 là 85 ngày cụ thể như sau: 407.079.000đ x 1% x 85 ngày = 11.533.905đ tính tròn là 11.534.000đ (mười một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 456.835.000đ (bốn trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Hữu L tại phiên tòa ngày hôm nay thì ông L thừa nhận có ký vào biên nhận nợ ngày 17/10/2023 của ông Hiếu, ông L còn nợ lại ông H số tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu là 570.479.000đ (năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và ông L có thỏa thuận với ông H là sau 30 ngày sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho ông H. Tuy nhiên ông L cho rằng ông chỉ nợ tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu của ông H số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), còn lại số tiền nợ là 390.479.000đ (ba trăm chín mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) thì ông L không đồng ý trả cho ông H, vì ông L cho rằng đây là tiền lãi mà ông H tính với ông L. Tại phiên tòa hôm nay ông L không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào chứng minh số tiền nợ là 390.479.000đ (ba trăm chín mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng) này là tiền lãi mà ông H tính với ông L. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Mặt khác ông L cho rằng vào ngày 15/5/2024 ông L có trả cho ông H số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), lúc trả tiền cho ông H thì ông L không có làm biên nhận với ông H và cũng không có ai chứng kiến việc ông L trả tiền cho ông H.

Tiếp tục đến ngày 05/6/2024 ông L cho rằng có trả cho ông H số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), lúc trả tiền cho ông H thì ông L không có làm biên nhận với ông H và cũng không có ai chứng kiến việc ông L trả tiền cho ông H. Tổng cộng ông L cho rằng đã trả nợ tiền gốc và lãi cho ông H số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Đến phiên tòa hôm nay thì ông L vẫn không có cung cấp cho Tòa án bất cứ chứng cứ nào để chứng minh là ông L đã trả nợ cho ông H số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay thì ông H thừa nhận vào ngày 10/05/2024, ông L có trả cho ông H số tiền gốc là 43.400.000đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và đến ngày 10/06/2024, ông L tiếp tục trả cho ông H

số tiền gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nay tại phiên tòa ông L thừa nhận còn nợ ông H số tiền gốc và tiền lãi phân bón thuốc trừ sâu là 36.400.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đông). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông L yêu cầu xin trả nợ dần cho ông H cụ thể như sau:

Vào ngày 30/4/2025 ông L trả cho ông H số tiền là 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng)

Vào ngày 30/7/2025 ông L trả cho ông H số tiền là 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) là hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì ông L xin trả nợ dần cho ông H thì ông H không đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của ông Nguyễn Hữu L.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông Phùng Thanh H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông H số tiền là 13.407.000đ (mười ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003833 ngày 18/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Nguyễn Hữu L phải nộp: {20.000.000đ + (4% x 56.835.000đ)} = 22.273.400đ tính tròn là 22.273.000 (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Thanh H.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn ông Nguyễn Hữu L.

4/ Buộc ông Nguyễn Hữu L trả cho ông Phùng Thanh H số tiền gốc và lãi là 456.835.000đ (bốn trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Hữu L nộp 22.273.000 (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phùng Thanh H số tiền là 13.407.000đ (mười ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003833 ngày 18/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Phùng Thanh H, ông Nguyễn Hữu L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật